

HỌC PHÍ DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐH CHÍNH QUY ÁP DỤNG KHÓA 2025 - NĂM HỌC 2025 - 2026

I. Học phí

Chương trình chuẩn

1. Nhóm ngành Công nghệ sinh học, Công nghệ thực phẩm:
- Học phí dự kiến: 28.500.000đ/năm
2. Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Quản lý xây dựng, Kiến trúc:
- Học phí dự kiến: 28.500.000đ/năm
3. Nhóm ngành Khoa học máy tính, Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ thông tin:
- Học phí dự kiến: 28.500.000đ/năm
4. Nhóm ngành Kế toán, Kiểm toán, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Luật, Luật kinh tế, Kinh doanh quốc tế, Quan hệ công chúng, Du lịch, Bảo hiểm, Công nghệ tài chính, Marketing, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng:
- Học phí dự kiến: 27.500.000đ/năm
5. Nhóm ngành Kinh tế, Quản lý công, Xã hội học, Công tác xã hội, Đông Nam Á học, Tâm lý học:
Học phí dự kiến: 24.000.000đ/năm
6. Nhóm ngành Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Anh:
- Học phí dự kiến: 27.500.000đ/năm

Chương trình chất lượng cao

1. Nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng, Quản trị kinh doanh
- Học phí dự kiến: 46.500.000đ/năm (15,500,000/học kỳ)
2. Nhóm ngành Luật kinh tế, kinh tế
- Học phí dự kiến: 46.500.000đ/năm (15,500,000/học kỳ)
3. Nhóm ngành Kế toán, Kiểm toán
- Học phí dự kiến: 46.500.000đ/năm (15,500,000/học kỳ)
4. Marketing Quan hệ công chúng, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại:
- Học phí dự kiến: 46.500.000đ/năm (15,500,000/học kỳ)
5. Nhóm ngành Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ thông tin
- Học phí dự kiến: 49.500.000đ/năm 16,500,000/học kỳ)

6. Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, :
- Học phí dự kiến: 49.500.000đ/năm 16,500,000/học kỳ)
7. Nhóm ngành Công nghệ sinh học:
- Học phí dự kiến: 46.500.000đ/năm 16,500,000/học kỳ)
8. Nhóm ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Trung Quốc:
- Học phí dự kiến: 46.500.000đ/năm 16,500,000/học kỳ)

Mức học phí theo từng tín chỉ của các khối ngành năm 2024-2025

- Giáo dục quốc phòng - An ninh: 440.000đ/tín chỉ
- Giáo dục thể chất: 550.000đ/tín chỉ
- Các môn Toán, Lý luận chính trị: 690.000đ/tín chỉ
- Các môn Tin học: 870.000đ/tín chỉ
- Xã hội học, Công tác xã hội: 620.000đ/tín chỉ
- Kinh tế, Quản lý công: 590.000đ/tín chỉ
- Luật, Luật kinh tế: 770.000đ/tín chỉ
- Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm: 770.000đ/tín chỉ
- Kế toán, Kiểm toán: 770.000đ/tín chỉ
- Quản trị nhân lực, Marketing, Logistics, Du lịch: 770.000đ/tín chỉ
- Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế: 770.000đ/tín chỉ
- Ngôn ngữ Trung - Nhật - Hàn: 680.000đ/tín chỉ
- Ngôn ngữ Anh: 780.000đ/tín chỉ
- Các môn ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh): 550.000đ/tín chỉ
- Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Quản lý xây dựng: 850.000đ/tín chỉ
- Công nghệ sinh học, Công nghệ thực phẩm: 810.000đ/tín chỉ
- Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quản lý: 870.000đ/tín chỉ
- Khoa học máy tính, Khoa học dữ liệu: 870.000đ/tín chỉ
- Trí tuệ nhân tạo: 870.000đ/tín chỉ
- Công nghệ tài chính: 850.000đ/tín chỉ

II. Học bổng tuyển sinh năm 2025

- 02 suất thủ khoa tuyển sinh (theo hai hình thức tuyển sinh theo đề án riêng của Trường và Điểm thi tốt nghiệp THPT): Tân SV có điểm cao nhất toàn trường nhận học bổng toàn phần suốt 4 năm học, riêng năm nhất được nhận 200% học phí.

- 02 suất học bổng Á khoa tuyển sinh (theo hai hình thức tuyển sinh theo đề án riêng của Trường và Điểm thi tốt nghiệp THPT): Tân SV có điểm cao thứ nhì toàn trường nhận học bổng toàn phần suốt 4 năm học, riêng năm nhất được nhận 180% học phí.

- 68 suất học bổng Thủ khoa Ngành (theo hai hình thức tuyển sinh theo đề án riêng của Trường và Điểm thi tốt nghiệp THPT): Tân SV có điểm cao nhất mỗi ngành nhận học bổng toàn phần suốt 4 năm học, riêng năm nhất được nhận 150% học phí.

- 50 suất học bổng toàn phần (phương thức tuyển sinh theo đề án riêng của Trường) suốt 4 năm học dành cho Tân SV là học sinh có kết quả học tập tốt và rèn luyện tốt các trường THPT nhóm 1 có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế theo quy định.

- 50 suất học bổng toàn phần (phương thức tuyển sinh theo đề án riêng của Trường) 1 năm học dành cho Tân SV là học sinh giỏi các trường THPT nhóm 2 có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế theo quy định.

- 400 suất học bổng Khuyến khích học tập (theo hai hình thức tuyển sinh theo đề án riêng và Điểm thi tốt nghiệp THPT) học kỳ 1 năm nhất với mức học bổng 100% học phí (200 suất), 70% học phí (100 suất) và 50% học phí (100 suất).

- 75 suất học bổng hợp tác địa phương học kỳ 1 năm nhất với mức học bổng 100% học phí (bao gồm các địa phương (dự kiến): Tiền Giang, Long An, Bình Thuận, Khánh Hòa, Cần Giờ, Đồng Tháp, Đồng Nai, Ninh Bình).

- 100 suất học bổng Khuyến khích nâng cao năng lực tiếng Nhật dành cho SV các ngành Du lịch, Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin Quản lý, CNKT công trình xây dựng, Trí tuệ nhân tạo, Công tác xã hội đủ tiêu chuẩn do Hội đồng xét, cấp học bổng xét chọn.

- Học bổng Khuyến khích nâng cao năng lực tiếng Anh dành cho SV đạt kết quả cao trong các kỳ thi chứng chỉ đánh giá năng lực tiếng Anh quốc tế; trình độ IELTS 7.0 trở lên, TOEFL từ 570 trở lên, TOEIC từ 750 trở lên và các chứng chỉ tương đương - mỗi SV được nhận từ 2.000.000 đến 20.000.000 đồng tùy theo trình độ tương ứng.

- 100 suất Học bổng Tăng cường

- 50 suất học bổng dành cho SV Nữ theo học các ngành Kiến trúc, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng – mức học bổng 10% học phí/ năm học thứ nhất.
- 50 suất học bổng dành cho SV Nam theo học ngành Kế toán, Kiểm toán – mức học bổng 10% học phí/ năm học thứ nhất.

- Các loại học bổng khác:

Ngoài các loại học bổng nêu trên, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh còn triển khai các loại học bổng sau:

Học bổng trao đổi SV tham gia học tập ở nước ngoài;

Học bổng Tài năng dành cho các SV đạt giải cao của các cuộc thi học thuật, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao từ cấp tỉnh thành trở lên;

Học bổng vượt khó học tập dành cho SV có gia đình khó khăn học tập tốt;

Học bổng tiếp sức đến trường dành cho SV có khó khăn đột xuất (tai nạn, thiên tai lũ lụt...);

Học bổng SV 5 tốt;

Học bổng thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác.